TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 4 - 2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Bà Bùi Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ D - sinh năm 1997 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Lê Đức T - sinh năm 1990 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đức T tự nguyện tìm hiểu và quen biết

nhau khoảng 02 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2019; đến ngày 01/11/2019 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Khi tổ chức đám cưới xong thì vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà ông T. Vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi có nhiều mâu thuẫn vì ông T không chịu làm ăn, lại chơi bời và hút ma túy đá nên hay cãi vã nhau. Có nhiều lần ông T bị ảnh hưởng bởi việc hút ma túy nên cầm dao dọa đánh bà nhưng vì con và cho ông T cơ hội để sửa chữa sai lầm nên bà bỏ qua. Tuy nhiên ông T vẫn chứng nào tật nấy. Đến tháng 6 năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông T đi hút ma túy đá về và yêu cầu bà đưa tiền nhưng bà không đưa nên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn; ông T cầm dao dọa giết bà nên bà sợ hãi bỏ nhà đi. Vợ chồng ly thân đến nay đã hơn 02 năm, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Hiện bà không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Lê Đức T có 01 con chung là Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019. Từ khi bà bỏ đi thì con chung sống với ông T và gia đình ông T còn bà thỉnh thoảng về thăm con. Do bà bỏ đi khi cháu T còn nhỏ nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T do ông T và gia đình ông T lo nên khi ly hôn bà giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Lê Đức T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 14/3/2023, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mỹ D vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Lê Đức T trình bày tại "Bản tự khai" ngày 02 tháng 3 năm 2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị Mỹ D tự nguyện tìm hiểu một thời gian thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận ngày 01/11/2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp được các vấn đề trong đời sống chung dẫn đến cãi vã; bà D tự bỏ ông và con đi đâu không rõ. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay bà D khởi kiện ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Đỗ Thị Mỹ D có 01 con chung là Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019. Từ khi bà D bỏ đi thì con sống với ông và gia đình, cha mẹ của ông. Khi ly hôn ông đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Đỗ Thị Mỹ D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử

vắng mặt" ngày 06/3/2023, bị đơn là ông Lê Đức T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại "Bản tự khai" và xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D.

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lê Đức T.

Về con chung: Giao 01 con chung là Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019 cho ông Lê Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà Đỗ Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Đức T có nơi cư trú tại: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự *(Viết tắt là BLTTDS);* xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Tại "Đơn xin xét xử vắng mặt" ngày 14/3/2023, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mỹ D xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Tại "Đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại tòa án và xin xét xử vắng mặt" ngày 06/3/2023, bị đơn là ông Lê Đức T xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã khai tại "Bản tự khai". Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Lê Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường ĐV, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2019, ngày 01/11/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp.

[2.2]. Về tình trạng hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của các đương sự xác định: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Lê Đức T chung sống hạnh phúc từ năm 2019 đến năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và đến tháng 6 năm 2020 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng không đồng cảm, sẻ chia, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình mà cãi vã rồi tự ly thân dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Từ tháng 6/2020 đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống, không có thiện chí hàn gắn để đoàn tụ. Bà D yêu cầu được ly hôn và ông T cũng đồng ý. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn ông T là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và pháp luật.

[2.3]. Về con chung: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Lê Đức T có 01 con chung là Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019. Từ khi bà D bỏ đi, cháu T do ông T và gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T thống nhất theo yêu cầu của bà D, đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Bởi vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019 cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Đức T không yêu cầu bà Đỗ Thị Mỹ D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Đỗ Thị Mỹ D và ông Lê Đức T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bà Đỗ Thị Mỹ D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ D được ly hôn ông Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Đức T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Lê Tú T - sinh ngày 02/12/2019.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004754 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đỗ Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia và đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường ĐV, tp. Phan Rang-Tháp Chàm (Số 95/2019, ngày 01/11/2019);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng